

Số: 53/2020/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 21 tháng 01 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 82/2020/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thủy T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 1, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lưu Kim H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 86, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải đoàn tụ không thành ngày 13 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thủy T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Khu 1, ấp T, xã B, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Ông Lưu Kim Hoàng, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 86, khu phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thủy T và ông Lưu Kim H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Lưu Thái D, sinh ngày 27/7/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời ông H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000đ (Ba triệu đồng) kể từ tháng 01/2020 đến khi con đã thành niên 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Ông H không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom, giáo dục con không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Bà T và ông H tự thỏa thuận.

- Nợ chung: Không có.

- Án phí HNGĐ-ST: Bà Trần Thủy T tự nguyện chịu 150.000đ án phí ly hôn và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007938 ngày 07/01/2020.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP B (2);
- THADS TP B (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- Đương sự (2);
- UBND P. Q, TP B.
- Lưu hồ sơ vụ án (1).

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Lan Chi